

BÀI TẬP NHÓM
MÔN: ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thành viên:

Nguyễn Thanh Ngân

Nguyễn Đức Minh

Nguyễn Thế Ngọc

Nguyễn Mạnh Linh

Câu 1: Công nghiệp hóa là gì? Tính tất yếu khách quan của CNH? Những đặc điểm cơ bản của CNH trước đổi mới (trước Đại hội VI, tháng 12-1986)? Phân tích những điều chỉnh quan trọng trong đường lối công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa gắn với thể chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung bao cấp (1960-1986)

Dàn ý:

- Khái niệm công nghiệp hóa
- Tính tất yếu khách quan của công nghiệp hóa
- Những đặc điểm cơ bản của công nghiệp hóa
- Những điều chỉnh quan trọng trong đường lối CNH gắn với CNXH trong những năm 1960-1986

Bài làm:

Công nghiệp hoá là hoạt động sản xuất, kinh doanh, cả về dịch vụ và quản lý kinh tế - xã hội, được sử dụng bằng các phương tiện và các phương pháp tiên tiến, hiện đại cùng với kỹ thuật và công nghệ cao.

**** Tính tất yếu khách quan của CNH***

- Mỗi phương thức sản xuất của xã hội chỉ có thể được xác lập một cách vững chắc trên một cơ sở vật chất - kỹ thuật thích ứng nhất định và chính cơ sở vật chất - kỹ thuật này là một trong những nhân tố quan trọng nhất để xác định phương thức sản xuất đó thuộc loại hình xã hội - lịch sử nào và thuộc thời đại kinh tế nào. Công nghiệp hoá là quá trình tạo dựng nên cơ sở vật chất - kỹ thuật đó.
- Cơ sở vật chất - kỹ thuật của CNXH, một mặt là sự kế thừa những thành quả đạt được trong xã hội Tư bản, mặt khác nó được phát triển và hoàn thiện trên cơ sở những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật hiện đại và theo yêu cầu của chế độ xã hội mới. Đó chính là một nền công nghiệp có công nghệ tiên tiến. Công nghiệp hoá là một tất yếu khách quan mang lại thành tựu đó cho nền sản xuất xã hội.

- Các nước đang phát triển, nhất là các nước nông nghiệp lạc hậu thì tiến lên CNXH, tiến hành công nghiệp hoá Xã hội chủ nghĩa để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của CNXH là một tất yếu khách quan. Không tiến hành công nghiệp hoá thì không thể xây dựng được cơ sở vật chất kỹ thuật, không thể thực hiện phân công lao động xã hội, không có Chủ nghĩa Xã hội.

**** Những đặc điểm cơ bản của CNH thời kì trước đổi mới***

- CNH trước đổi mới hướng về mục tiêu chủ yếu là nâng cao khả năng tự đáp ứng được nhu cầu của sản xuất và đời sống trong nước theo xu hướng kinh tế đóng kín và khép kín.

- CNH trước đổi mới ưu tiên phát triển công nghiệp nặng, cơ cấu sản xuất đầu tư đều hướng vào công nghiệp nặng.

- CNH XHCN trước đổi mới hầu như đều dựa vào nguồn lực bên ngoài, do nhà nước đầu tư hoặc dựa vào lợi thế lao động và tài nguyên.

- Cơ chế quản lý của nhà nước: cơ chế kế hoạch hóa tập trung bao cấp do nhà nước điều khiển.

- CNH trước đây được quan niệm theo trình độ cơ giới hóa nhằm thay thế sức lao động từ thủ công sang máy móc.

- Trong quá trình CNH ta còn nóng vội giản đơn duy ý chí ham làm nhanh làm lớn mà ít nghĩ đến hậu quả kinh tế xã hội.

*** Những điểm điều chỉnh quan trọng trong đường lối CNH-HĐH xã hội chủ nghĩa gắn với thể chế kế hoạch hóa tập trung (1960-1986):**

- Trước thời kỳ đổi mới, nước ta có khoảng 25 năm tiến hành công nghiệp hóa theo 2 giai đoạn: từ 1960 đến 1975 công nghiệp hóa ở miền Bắc và từ 1975 – 1985 công nghiệp hóa trên phạm vi cả nước, hai giai đoạn này có mục tiêu, phương hướng rõ rệt.

- Chiến lược “Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng...” tiếp tục được khẳng định lại sau 16 năm tại Đại hội IV của Đảng (1976) nhưng chính sách thì đã có thay đổi chút ít “Đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất

kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, kết hợp xây dựng công nghiệp và nông nghiệp cả nước thành một cơ cấu kinh tế công – nông nghiệp vừa xây dựng kinh tế trung ương vừa phát triển kinh tế địa phương, kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất”.

- Đại hội lần thứ V của Đảng (3-1982) đã xác định trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ ở nước ta phải lấy nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu, ra sức phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng; việc xây dựng và phát triển công nghiệp nặng trong giai đoạn này cần làm có mức độ, vừa sức, nhằm phục vụ thiết thực, có hiệu quả cho nông nghiệp và công nghiệp nhẹ. Đại hội V coi đó là nội dung chính của công nghiệp hóa trong chặng đường trước mắt. Đây là bước điều chỉnh rất đúng đắn, phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

Câu 2: Quá trình đổi mới tư duy về Công nghiệp hoá từ đại hội VI đến Đại hội XII? Mục tiêu, quan điểm Công nghiệp hoá, Hiện đại hoá thời kì Đổi mới (từ Đại hội VI (tháng 12-1986) đến nay))? Ý nghĩa của đường lối CNH thời kỳ đổi mới?

Dàn ý:

- Quá trình đổi mới tư duy về Công nghiệp hoá từ đại hội VI đến Đại hội XII
 - + Nội dung
 - + Quan điểm
 - + Mục tiêu
 - + Ý nghĩa
- Ý nghĩa của đường lối CNH thời kỳ đổi mới

Bài làm:

**** Quá trình đổi mới tư duy từ đại hội (ĐH) 6 đến 12***

- ĐH đảng thứ 6 (12/1986) đã khởi xướng công cuộc đổi mới toàn diện trong đó có đường lối CNH. ĐH đã chỉ ra những sai lầm trong nhận thức và chủ trương CNH thời kì trước đổi mới.

- ĐH đã cụ thể hóa nội dung chính của CNH XHCN là thực hiện cho bằng được 3 chương trình kinh tế lớn: lương thực thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu.

- Hội nghị TW7 (1994) đã đưa ra định nghĩa đúng đắn về CNH

- ĐH 8 (1996) quyết định đưa nước ta sang thời kì mới đẩy mạnh CNH HĐH

+ Nêu ra quan điểm về CNH và định hướng nội dung cơ bản CNH HĐH

1. Giữ vững độc lập tự chủ đi đôi với mở rộng hợp tác quốc tế, đa phương hóa đa dạng hóa quan hệ đối ngoại

2. CNH HĐH là sự nghiệp của toàn dân của toàn thành phần kinh tế trong đó thành phần kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo

3. Lấy con người làm yếu tố cơ bản để phát triển nhanh và bền vững

4. KH-CN là động lực của CNH HĐH

5. Lấy hiệu quả kinh tế xã hội làm tiêu chuẩn cơ bản để xây dựng phương hướng phát triển lựa chọn dự án đầu tư

6. Kết hợp kinh tế và quốc phòng an ninh

- ĐH 9 của đảng (4/2001) và ĐH 10 (4/2006) (***đổi mới tư duy ĐH 9 ĐH 10***)

- Con đường công nghiệp hóa ở nước ta cần và có thể rút ngắn khoảng cách so với các nước đi trước.

- Hướng CNH HĐH của nước ta phát triển nhanh và có hiệu quả ở các sản phẩm các ngành các lĩnh vực có lợi thế đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

- CNH HĐH phải đảm bảo xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ chủ động hội nhập KT QT.

-Đẩy nhanh CNH HĐH nông nghiệp nông thôn và nâng cao năng suất sản phẩm nông nghiệp.

-ĐH 11 (2011) thông qua cương lĩnh xây dựng đất nước thời kì quá độ đi lên CNXH. DH đã bổ sung phát triển định hướng CNH HĐH.

+ Đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế từ chủ yếu phát triển theo chiều rộng sang phát triển theo chiều rộng và chiều sâu

+ Gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế và thực hiện tiến bộ công bằng xã hội bảo vệ môi trường tự nhiên

*** Mục tiêu**

-Trong dài hạn:

+ Cải tiến nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất kĩ thuật hiện đại có cơ cấu kinh tế hợp lý, có quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, có mức sống vật chất và tinh thần cao an ninh quốc phòng vững chắc.

- Cụ thể: Đại hội 10 đã xây dựng và đẩy mạnh CNH HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển tạo nền tảng để đến năm 2020 đưa nước ta cơ bản thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

*** Quan điểm:**

- CNH gắn với HĐH và CNH HĐH gắn với kinh tế tri thức.

- CNH HĐH gắn với phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập kinh tế quốc tế.

- Lấy việc phát huy nguồn lực con người là yếu tố cơ bản cho sự phát triển bền vững.

- Khoa học công nghệ là nền tảng động lực của CNH HĐH.

- Phát triển nhanh hiệu quả bền vững, phát triển kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng XH bảo vệ môi trường tự nhiên bảo tồn đa dạng sinh học.

*** Ý nghĩa :**

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã đạt được những kết quả quan trọng: tỷ trọng công nghiệp và xây dựng tăng, còn tỷ trọng của nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm. Trong từng ngành kinh tế đều có sự chuyển dịch tích cực về cơ cấu sản xuất, cơ cấu công nghệ theo hướng tiến bộ, hiệu quả, gắn với sản xuất, với thị trường.

- Cơ cấu kinh tế vùng đã có điều chỉnh theo hướng phát huy lợi thế so sánh của từng vùng. Các vùng kinh tế trọng điểm phát triển khá nhanh đóng góp quan trọng vào sự tăng trưởng nền kinh tế.

- Cơ cấu thành phần kinh tế tiếp tục dịch chuyển theo hướng phát huy tiềm năng của các thành phần kinh tế và đan xen nhiều hình thức sở hữu.

- Cơ cấu lao động đã có sự chuyển đổi tích cực gắn liền với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

- Những thành tựu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã góp phần quan trọng đưa nền kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng khá cao, bình quân từ năm 2000 đến nay. Điều đó đã góp phần quan trọng vào công tác xóa đói giảm nghèo. Thu nhập đầu người bình quân hàng năm tăng lên đáng kể.

=> Những thành tựu trên có ý nghĩa rất quan trọng; là cơ sở để phấn đấu đạt mục tiêu: sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển và cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020 mà Đại hội X của Đảng nêu ra trở thành hiện thực.

Câu 3: Với một nước nông nghiệp lạc hậu, đang phát triển như Việt Nam, tại sao lại cần thiết đẩy mạnh CNH nông nghiệp, nông thôn? Chủ trương, biện pháp đẩy mạnh CNH nông nghiệp, nông thôn của Đảng?

Dàn ý:

- + Lý do một nước đang phát triển như VN Cần thiết phải đẩy mạnh công nghiệp hóa nông thôn (6 lý do)
- + Chủ trương, biện pháp đẩy mạnh CNH nông nghiệp, nông thôn của Đảng
- + Nhận thức sâu sắc hơn nữa vị trí quan trọng của nông nghiệp, nông thôn
- + Tập trung cao hơn với những dự án thiết thực, cụ thể để đẩy nhanh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn
- + Đầu tư cho phát triển nông nghiệp, nông thôn một cách hợp lý
- + Thu hút các nguồn lực cho phát triển toàn diện, bền vững
- + Giải pháp

Bài làm:

*** Với một nước nông nghiệp lạc hậu, đang phát triển như Việt nam, cần thiết phải đẩy mạnh công nghiệp hóa nông thôn vì:**

Thứ nhất, Do đặc điểm của đất nước ta là nước đông dân cư sống ở nông thôn, với gần 70% dân số sống ở nông thôn, hơn 47% lao động làm nông nghiệp; tốc độ tăng dân số ở nông thôn hiện vẫn cao.

Thứ hai, nông nghiệp, nông thôn góp một phần quan trọng trong quá trình tích lũy vốn cho CNH, HĐH.

Thứ ba, kinh tế nông nghiệp, nông thôn vẫn chưa ra khỏi tình trạng yếu kém, chậm phát triển. Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đổi mới cách thức sản xuất trong nông nghiệp còn chậm, phổ biến vẫn là sản xuất nhỏ, phân tán; năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng nhiều mặt hàng thấp. Đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn chưa được cải thiện đáng kể.

Thứ năm, đối với một nước đi lên chủ nghĩa xã hội từ nông nghiệp lạc hậu thì vấn đề mấu chốt là phát triển nền nông nghiệp hàng hóa để cấu trúc lại nền kinh tế theo hướng sản xuất lớn, hiện đại. Trước mắt cũng như lâu dài, phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng CNH, HĐH là cơ sở để đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thứ sáu, nông thôn là nguồn cung cấp nhân lực chủ yếu để thực hiện CNH, HĐH. Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng phát triển công nghiệp, dịch vụ đồng thời cũng là quá trình chuyển lao động từ ngành nông nghiệp sang ngành công nghiệp và dịch vụ theo hướng lao động công nghiệp, dịch vụ tăng tuyệt đối và tương đối, còn lao động nông nghiệp giảm tuyệt đối và tương đối.

*** Chủ trương của Đảng :**

Một là, nhận thức sâu sắc hơn nữa vị trí quan trọng của nông nghiệp, nông thôn - nơi sinh sống của đại bộ phận dân cư, lao động xã hội và đất đai, có điều kiện để phát triển, là nguồn nội lực to lớn và đang là lợi thế của đất nước ta.

Hai là, tập trung cao hơn với những dự án thiết thực, cụ thể để đẩy nhanh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, đưa nông nghiệp, nông thôn phát triển, từng bước thay đổi bộ mặt kinh tế nông thôn, xóa đói, giảm nghèo, cải thiện đời sống của nhân dân, tạo điều kiện cho sự ổn định và phát triển bền vững của đất nước, thực hiện dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Ba là, dành một tỷ lệ tương xứng các nguồn vốn huy động được để đầu tư cho phát triển nông nghiệp, nông thôn; hình thành các tổ hợp công - nông nghiệp - dịch vụ ở những địa bàn cho phép để chế biến lương thực, thực phẩm, sản xuất công cụ lao động nông nghiệp, phát triển các loại dịch vụ phục vụ sản xuất công nghiệp, công nghiệp hóa sản xuất nông nghiệp, đẩy mạnh dịch vụ khoa học - kỹ thuật, cung cấp vật tư, giống cây trồng, vật nuôi và tiêu thụ sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp.

Bốn là, thu hút các nguồn lực cho phát triển toàn diện, bền vững; khuyến khích mạnh mẽ việc khai thác, đưa vào sử dụng đất trống, đồi núi trọc và đất còn hoang hóa; đẩy mạnh thâm canh, tăng năng suất; tăng sức mua và phát triển ổn định thị trường nông thôn.

*** Nhóm giải pháp**

Thứ nhất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa trên cơ sở bảo đảm an ninh lương thực quốc gia. Hình thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn để có công nghệ tiên tiến, tính hàng hóa cao; chuyên canh để có nông sản hàng hóa nhiều về số lượng, tốt về chất lượng, đáp ứng được yêu cầu của công nghiệp chế biến, tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu hàng hóa nông sản.

Thứ hai, phát triển công nghiệp nông thôn, kết cấu hạ tầng, dịch vụ nông thôn, tiến hành phân công lại lao động ở nông thôn theo hướng giảm lao động thuần nông, tăng lao động trong những ngành phi nông nghiệp trên cơ sở phát triển các ngành, nghề, làng nghề truyền thống, công nghiệp nông thôn sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, công nghiệp khai thác và chế biến, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội về điện, giao thông vận tải, tạo điều kiện cho sự phát triển trên địa bàn nông thôn.

Thứ ba, thực hiện chính sách ruộng đất theo hướng thúc đẩy phát triển nông nghiệp hàng hóa, trên cơ sở sử dụng ruộng đất một cách hiệu quả.

Thứ tư, đẩy mạnh việc nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới công nghệ sản xuất nông nghiệp và nông thôn, chuyển giao công nghệ, kỹ thuật tiên tiến cho nông dân. Nhà nước hỗ trợ, tạo điều kiện để đẩy mạnh sản xuất và sử dụng sản phẩm cơ khí phục vụ nông nghiệp. Nâng cao dần trình độ công nghệ chế biến, công nghệ sau thu hoạch. Thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp nông thôn theo sở trường, thế mạnh về năng lực phù hợp với nhu cầu thị trường.

Thứ năm, chú trọng phát triển mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản cả trong và ngoài nước. Tạo ra một số mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ lực mà Việt Nam có ưu thế và có sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Đầu tư cho công tác nghiên cứu thị trường, công tác tiếp thị và xúc tiến thương mại để mở rộng thị trường xuất khẩu nông sản.

Thứ sáu, tạo điều kiện, khuyến khích mọi thành phần kinh tế phát triển trong lĩnh vực nông nghiệp. Hình thành hợp tác xã kiểu mới hoặc thành lập các hợp tác xã kiểu mới làm dịch vụ sản xuất cho kinh tế hộ, như dịch vụ kỹ thuật, bảo vệ thực vật, nhân giống và cung cấp giống;...

Thứ bảy, giải quyết các vướng mắc về chính sách và thể chế để tạo động lực mới thúc đẩy kinh tế - xã hội nông thôn phát triển mạnh mẽ, vững chắc, khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa đói, giảm nghèo, tăng cường đoàn kết các tầng lớp cư dân nông thôn. Đề cao trách nhiệm và tính năng động, sáng tạo của các địa phương và các ngành trong việc tạo thuận lợi cho các hộ nông dân.

Thứ tám, gắn quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn với thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Coi việc xây dựng nông thôn mới vừa là mục tiêu, yêu cầu của phát triển bền vững, vừa là nhiệm vụ cấp bách, đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp CNH, HĐH đất nước.

Câu 4: Cơ chế quản lý kinh tế là gì? Những đặc điểm, khuyết tật của cơ chế quản lý kinh tế thời kỳ trước đổi mới? Phân tích những đột phá đầu tiên trong đổi mới tư duy về cơ chế quản lý kinh tế của Đảng trước năm 1986. Ý nghĩa của nó đối với việc tiếp tục đổi mới tư duy kinh tế thời kỳ tiếp theo?

- Dàn ý

- + Khái niệm cơ chế quản lý kinh tế
- + Những đặc điểm, khuyết tật của cơ chế quản lý kinh tế thời kỳ trước đổi mới
- + Những đột phá đầu tiên trong đổi mới tư duy về cơ chế quản lý kinh tế của Đảng trước năm 1986.

- *Thứ 1: Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (8-1979)*

- *Thứ 2: Chỉ thị 100, quyết định 25CP, 26CP của chính phủ (1981)*

- *Thứ 3: Đại hội V của Đảng (1982)*

- *Thứ 4: Hội nghị trung ương lần thứ 8 (6/1985)*

Bài làm:

Cơ chế quản lý kinh tế là mối tương tác giữa các tác động đồng thời của chủ thể quản lý lên đối tượng quản lý nhằm thực hiện một định hướng nào đó

****Những đặc điểm, khuyết tật của cơ chế quản lý kinh tế thời kỳ trước đổi mới***

– Thứ nhất, Nhà nước quản lý nền kinh tế mệnh lệnh hành chính, dựa trên hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh, chỉ tiêu từ trên xuống dưới.

+ Các doanh nghiệp hoạt động trên cơ sở các quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các chỉ tiêu pháp lệnh được giao.

+ Nhà nước giao chỉ tiêu kế hoạch cấp phát vốn, vật tư cho các doanh nghiệp, doanh nghiệp giao nộp sản phẩm cho Nhà nước, lỗ Nhà nước bù, lãi Nhà nước thu.

– Thứ hai, các cơ quan hành chính can thiệp sâu vào hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nhưng lại không chịu trách nhiệm gì về vật chất với các quyết định của mình., những thiệt hại vật chất nhà nước chịu, các doanh nghiệp không có quyền tự chủ sản xuất kinh doanh, cũng không bị ràng buộc trách nhiệm kết quả sản xuất kinh doanh.

– Thứ ba, quan hệ hàng hóa bị coi nhẹ, chỉ là hình thức, quan hệ hiện vật là chủ yếu, Nhà nước quản lý kinh tế thông qua cấp phát, giao nộp.

- Thứ tư, bộ máy quản lý công kênh nhiều cấp trung gian, đội ngũ quản lý kém năng lực, quan liêu, cửa quyền, nhưng lại được hưởng quyền lợi cao hơn người lao động.

– Chế độ bao cấp được thực hiện dưới các hình thức chủ yếu sau:

+ Bao cấp qua giá: Nhà nước quyết định giá trị tài sản, thiết bị, vật tư, hàng hoá thấp hơn giá trị thực của chúng nhiều lần so với giá thị trường. DO đó hạch toán kinh tế chỉ là hình thức.

+ Bao cấp qua chế độ tem phiếu: Nhà nước quy định chế độ phân phối vật phẩm tiêu dùng cho cán bộ công nhân viên, theo hình thức tem phiếu.

+ Bao cấp theo chế độ cấp phát vốn của ngân sách, nhưng không có chế tài ràng buộc trách nhiệm vật chất đối với các đơn vị được cấp vốn. Điều đó vừa làm tăng gánh nặng đối với ngân sách vừa làm cho sử dụng vốn kém hiệu quả, nảy sinh cơ chế xin – cho.

**** Khuyết tật của cơ chế tập trung quan liêu bao cấp***

- Cơ chế này trong những thời kỳ nhất định đã tập trung được tối đa các nguồn lực kinh tế, phát huy được sức mạnh tổng hợp cả nước, phù hợp với điều kiện có chiến tranh. Bên cạnh đó, còn có những hạn chế:

+ Thủ tiêu cạnh tranh.

+ Kìm hãm tiến bộ khoa học công nghệ.

+ Triệt tiêu động lực kinh tế đối với người lao động.

+ Không kích thích tính năng động, sáng tạo của các đơn vị sản xuất kinh doanh.

**** Những đột phá đầu tiên trong đổi mới tư duy về cơ chế quản lý kinh tế của Đảng trước năm 1986***

Thứ 1: Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (8-1979)

- Hội nghị phủ định một số yếu tố của thể chế kinh tế tập trung quan liêu bao cấp.

- Thừa nhận sự cần thiết phải kết hợp kế hoạch với thị trường (tuy nhiên thị trường vẫn được coi ở vị trí thứ yếu, bổ sung cho kế hoạch).

- Nhận thấy sự cần thiết phải kết hợp nhiều loại lợi ích, huy động vai trò của tiểu thương, cá thể, tiểu chủ... làm cho sản xuất bung ra.

Như vậy, Hội nghị đã đột phá vào khâu quan trọng nhất của cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp: Chế độ công hữu và kế hoạch hóa trực tiếp.

Thứ 2: Chỉ thị 100, Quyết định 25 CP, 26CP của Chính phủ (1981)

- Nội dung các chỉ thị, quyết định trên là nhằm giải phóng sức sản xuất. Những điều chỉnh này đã tạo ra hình thái song song tồn tại giữa kinh tế công hữu kế hoạch hóa với phi công hữu và thị trường tự do. Đây là nét đặc thù từ sau Hội nghị Trung ương 6. “Cộng sinh” và “xung đột” giữa hai loại cơ chế kinh tế, hai

loại thị trường là đặc trưng cơ bản của thời kỳ manh nha cho sự ra đời của thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam.

Thứ 3: Đại hội V của Đảng (1982)

- Nhấn mạnh: Xác lập chế độ quản lý và kế hoạch hóa đúng đắn, đổi mới chế độ quản lý và kế hoạch hiện hành. Xóa bỏ cơ chế hành chính quan liêu bao cấp.
- Về kế hoạch hóa nền kinh tế, kế hoạch phải thấu suốt nguyên tắc hạch toán kinh doanh XHCN.
- Để chấn chỉnh và phát huy tốt vai trò của phân phối lưu thông, Đại hội chủ trương kết hợp chặt chẽ cả ba biện pháp quản lý: Kinh tế, hành chính, giáo dục, trong đó biện pháp kinh tế là gốc. Như vậy, Đảng đã nhận thức được vai trò của các biện pháp kinh tế, của các động lực kinh tế, thay vì đề cao, tuyệt đối hóa các biện pháp hành chính mệnh lệnh như trước đây.

Thứ 4: Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (6-1985)

- Chủ trương xóa bỏ cơ chế bao cấp, thực hiện cơ chế một giá, chuyển sang hạch toán kinh doanh XHCN, thừa nhận quy luật của sản xuất hàng hóa.
- Đề cập ba nội dung quan trọng của cái cách: Giá cả, tiền lương, tiền tệ (giá – lương – tiền).
- + Giá cả: Thực hiện cơ chế một giá thống nhất và đánh giá đúng, đủ chi phí cho giá thành sản phẩm.
- + Tiền lương: Xóa bỏ chế độ tiền lương hiện vật, thực hiện tiền lương tiền tệ gắn với xóa bỏ bao cấp. Chế độ tiền lương phải đảm bảo cho người lao động tái tạo sức lao động và gắn với chất lượng và hiệu quả lao động.
- + Tiền tệ: Đổi mới lưu thông tiền tệ; thu hút tiền nhàn rỗi; đẩy nhanh nhịp độ quay vòng đồng tiền; chuyển ngân hàng sang hạch toán kinh doanh XHCN.

Đề cập đến sự cần thiết phải đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, Đại hội VI khẳng định: “Việc bố trí lại cơ cấu kinh tế phải đi đôi với đổi mới cơ chế quản lý kinh

tế...” Chính vì vậy, việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế trở thành nhu cầu cấp thiết và cấp bách.

Câu 5: Tính tất yếu của đổi mới cơ chế quản lý kinh tế ở Việt Nam? Quá trình đổi mới tư duy về KTTT thời kỳ Đổi mới của Đảng? Phân tích quan điểm và chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN của Đảng?

Dàn ý:

- + Tính tất yếu phải đổi mới cơ chế quản lý nền kinh tế
- + Quá trình đổi mới tư duy về KTTT thời kì đổi mới của Đảng
 - *Tư duy của đảng về kinh tế thị trường từ ĐH 6-8*
 - *Tư duy của Đảng về kinh tế thị trường từ ĐH 9-11*
- + Một số chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN

Bài làm

****. Tính tất yếu phải đổi mới cơ chế quản lý nền kinh tế***

- Từ yêu cầu thoát khỏi khủng hoảng của nền kinh tế
- Bản thân đảng đã có nhận thức mới về xây dựng CNXH và phát triển kinh tế trong thời kì quá độ đi lên CNXH
- Những tác động về lý luận xã hội và công cuộc cải cách cải tổ Liên Xô và đông Âu

**** Sự hình thành tư duy của đảng về kinh tế thị trường thời kì đổi mới***

a. Tư duy của đảng về kinh tế thị trường từ ĐH 6-8

- Kinh tế thị trường không phải cái riêng có của chủ nghĩa tư bản mà là thành tựu phát triển chung của nhân loại vì kinh tế thị trường là 1 giai đoạn tiến trình trong lịch sử nhân loại
- Kinh tế thị trường là phương thức vận hành nền kinh tế lấy cơ chế thị trường làm cơ sở phân bổ nguồn lực của nền kinh tế trong xã hội, điều tiết quan hệ kinh tế xã hội

- Kinh tế thị trường được ra đời từ kinh tế hàng hóa nhưng là trình độ cao hơn của kinh tế hàng hóa. Giữa kinh tế thị trường và kinh tế hàng hóa giống nhau về nguồn gốc và bản chất đều là dựa trên cơ sở phân công lao động và sở hữu khác nhau về tư liệu sản xuất nhưng khác nhau về trình độ trong đó kinh tế thị trường là trình độ phát triển cao hơn

- Kinh tế thị trường tồn tại khách quan trong tiến trình quá độ đi lên CNXH

ĐH 7 (6/1991) đã đưa ra kết luận quan trọng về sản xuất hàng hóa không đối lập với CNXH nó tồn tại khách quan và cần thiết cho việc xây dựng CNXH

ĐH 8 (1996) đặc biệt nhấn mạnh đến yêu cầu nắm vững định hướng XHCN trong xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần

+ Có thể và cần thiết sử dụng nền kinh tế thị trường trong việc xây dựng CNXH ở nước ta vì kinh tế thị trường là công cụ phương tiện để khai thác huy động sử dụng tối ưu các nguồn lực để tăng trưởng kinh tế CNXH

+ Kinh tế thị trường có đặc điểm chung:

++ Các chủ thể kinh tế có tính độc lập tự chủ cao.

++ Giả cả hình thành ngay trên thị trường do thị trường quyết định

++ nền kinh tế có tính mở cao hoạt động theo quy luật vốn có của kinh tế thị trường: quy luật giá trị quy luật cung cầu,...

++ Có hệ thống phát huy kiến toàn và sự quản lý vĩ mô của nhà nước

b. Tư duy của Đảng về kinh tế thị trường từ ĐH 9-11

ĐH 9 (4/2001)

- Xác định nền kinh tế thị trường định hướng XHCN là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kì quá độ đi lên CNXH

- KTTT định hướng XHCN là một kiểu kinh tế vừa tuân theo quy luật của kinh tế thị trường vừa dựa trên cơ sở chịu sự dẫn dắt và chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của CNXH

- Định hướng XHCN được thể hiện qua 3 mặt: sở hữu, tổ chức tự quản lý và phân phối

KTTT định hướng XHCN là

+sở hữu toàn dân, toàn diện, tư nhân

+quản lý thị trường và nhà nước

+phân phối

ĐH 10 (2006) làm sáng tỏ những nội dung cơ bản của định hướng XHCN trong phát triển kinh tế thị trường ở nước ta thể hiện qua 4 tiêu chí:

1. Mục đích phát triển: mục tiêu của KTTT định hướng XHCN ở nước ta nhằm thực hiện dân giàu nước mạnh dân chủ công bằng văn minh
2. Phương hướng phát triển: phát triển kinh tế gắn với sở hữu nhiều thành phần kinh tế nhằm giải phóng mọi tiềm năng trong mọi thành phần kinh tế, mọi cá nhân, mọi vùng miền
3. Định hướng XHCN và phân phối
 - + thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển, tăng trưởng kinh tế gắn chặt và đồng bộ với phát triển XH
 - + Trong lĩnh vực phân phối định hướng XHCN được thể hiện ngay qua chế độ phân phối theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, phúc lợi xã hội, mức đóng góp vốn
4. Quản lý: phát huy vai trò làm chủ của nhân dân đảm bảo vai trò quản lý điều tiết nền kinh tế của nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng

ĐH11 và cương lĩnh 2011 đã bổ sung và phát triển cương lĩnh 1991

- Định hướng chung: đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế chuyển mô hình tăng trưởng kinh tế theo chiều rộng sang tăng trưởng hợp lý theo chiều rộng và chiều sâu cơ cấu nền kinh tế theo hướng đạt hiệu quả và bền vững

- ĐH hoàn thiện bước nhận thức về nền KTTT định hướng XHCN

- ĐH khẳng định tiếp tục hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN là một trong 3 bước chiến lược của nước ta trong 10 năm tới

****. Quan điểm hoàn thiện thị trường định hướng XHCN***

- Nhận thức đầy đủ tôn trọng và vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan của KTTT

- Đảm bảo tính đồng bộ giữa các bộ phận cấu thành của thể chế kinh tế giữa các yếu tố thị trường và các loại thị trường của các thể chế kinh tế và thể chế chính trị xã hội

- Kế thừa có chọn lọc các thành tựu phát triển KTTT của nhân loại và kinh nghiệm tổng kết từ thực tiễn đổi mới của nước ta

- Chủ động tích cực giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn quan trọng

- Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng hiệu lực và hiệu quả quản lý của nhà nước và phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị

****Một số chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN***

– Thống nhất nhận thức về KTTT định hướng XHCN

- hoàn thiện thể chế sở hữu và các thành phần kinh tế loại hình doanh nghiệp và tổ chức sản xuất kinh doanh

- Hoàn thiện thể chế đảm bảo đồng bộ các yếu tố thị trường và phát triển đồng bộ các loại hình thị trường

- Hoàn thiện thể chế gắn liền và thị trường kinh tế tiên bộ công bằng xã hội trong từng bước từng chính sách phát triển và bảo vệ môi trường

- Hoàn thiện thể chế vai trò lãnh đạo của Đảng quản lý của Nhà nước và sự tham gia của các tổ chức quần chúng vào quan hệ phát triển KT XH

Chương 6

Câu 6: Hệ thống chính trị là gì? Các thiết chế trong HTCT ở Việt Nam hiện nay? Phân tích đường lối xây dựng HTCT của Đảng thời kỳ Đổi mới. Đường lối đó có khác gì so với trước đổi mới?

Dàn ý

- Khái niệm hệ thống chính trị
- các thiết chế trong hệ thống chính trị ở VN
- phân tích đường lối xây dựng hệ thống chính trị của Đảng thời kì đổi mới:
 - + *quá trình hình thành đường lối*
 - + *nhận thức mới của đảng về đổi mới hệ thống chính trị*
 - ✓ *Nhận thức giữa đổi mới kinh tế và đổi mới hệ thống chính trị*
 - ✓ *Nhận thức về đấu tranh giai cấp và động lực chủ yếu phát triển đất nước trong thời kì đổi mới.*
 - ✓ *Nhận thức về cơ cấu và cơ chế vận hành hệ thống chính trị*
 - ✓ *Nhận thức về nhà nước pháp quyền trong hệ thống chính trị*
 - + *Mục tiêu, quan điểm chủ trương xây dựng hệ thống chính trị thời kì mới*
- Điểm khác so với thời kì trước đổi mới

Bài làm

Hệ thống chính trị là một chỉnh thể các tổ chức chính trị trong xã hội bao gồm các đảng chính trị, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội hợp pháp được liên kết với nhau trong một hệ thống tổ chức nhằm tác động vào

các quá trình của đời sống xã hội, để củng cố, duy trì và phát triển chế độ đương thời phù hợp với lợi ích của chủ thể giai cấp cầm quyền.

Hệ thống chính trị ở nước ta là tổ chức của chính trị và dân chủ, được xác lập bởi tổ chức và hoạt động của một hệ thống thống nhất các thiết chế bao gồm: Đảng Cộng sản Việt Nam; Nhà nước pháp quyền XHCN của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội khác có trách nhiệm và quyền hạn thực hiện quyền lực chính trị theo ủy quyền của Nhân dân, phát huy dân chủ để thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng của chủ nghĩa xã hội theo dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Theo quy định tại Hiến pháp năm 2013, hệ thống chính trị nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam gồm:

- Đảng Cộng sản Việt Nam (là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội);
- Nhà nước pháp quyền XHCN của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân;
- Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận;
- Các tổ chức chính trị - xã hội khác (Công đoàn Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam).

Hệ thống chính trị ở nước ta được tổ chức theo một hệ thống từ Trung ương đến cơ sở.

Phân tích đường lối xây dựng hệ thống chính trị của đảng thời kì đổi mới

1. Quá trình hình thành đường lối

ĐH 6 (1986):

- đề ra đường lối đổi mới toàn diện trong đó có đổi mới về chính trị
- Đề ra nghị quyết TW 6 khóa 6(3/1989)
 - + dùng khái niệm hệ thống chính trị thay cho khái niệm chuyên chính vô sản
 - +Nêu ra nguyên tắc và giải pháp làm căn cứ đổi mới hệ thống chính trị

ĐH 7 (1991) thông qua cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ đi lên CNXH trong đó trình bày quan điểm xây dựng hệ thống chính trị

ĐH 8 (1996) tiếp tục khẳng định mục tiêu đổi mới chính trị của nước ta nhằm thực hiện tốt dân chủ XHCN phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân

- + xác định những nhiệm vụ bao trùm của việc đổi mới hệ thống chính trị trong thời kì đẩy mạnh CNH HĐH

ĐH 9 (2001) DH 10 (2006) tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới hệ thống chính trị để hệ thống phát huy vững chắc nhiệm vụ và hiệu quả của nó trong sự nghiệp cách mạng chung và trong thời kì CNH HĐH hiện nay

ĐH 11 (2011) tiếp tục hoàn thiện đường lối đổi mới hệ thống chính trị và sự lãnh đạo của đảng. Hệ thống chính trị được đổi mới trong cương lĩnh 2011 bổ sung và phát triển

2. Nhận thức mới của đảng về đổi mới hệ thống chính trị

Nhận thức giữa đổi mới kinh tế và đổi mới hệ thống chính trị

- Đổi mới là một giai đoạn bắt đầu từ đổi mới kinh tế trước hết là đổi mới tư duy kinh tế từ đó từng bước đổi mới hệ thống chính trị
- Đổi mới thành công kinh tế tạo điều kiện để đổi mới hệ thống chính trị XH và đổi mới hệ thống chính trị kịp thời phù hợp sẽ thúc đẩy đổi mới kinh tế

Nhận thức về đấu tranh giai cấp và động lực chủ yếu phát triển đất nước trong thời kì đổi mới

- Nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp trong thời kì hiện nay:

+ thực hiện thắng lợi sự nghiệp CNH HĐH định hướng XHCN

+ Khắc phục tình trạng là một nước nghèo kém phát triển

+ thực hiện công bằng xã hội tránh áp bức bất công ngăn chặn hoạt động tiêu cực sai trái, làm thất bại âm mưu chống phá cách mạng của các thế lực thù địch

- Động lực chủ yếu của đất nước:

+ Đại đoàn kết toàn dân tộc trên cơ sở liên minh công nông trí thức do đảng lãnh đạo

+ Kết hợp hài hòa giữa lợi ích cá nhân lợi ích tập thể và XH phát huy mọi tiềm lực của các thành phần kinh tế và của cả xã hội

Nhận thức về cơ cấu và cơ chế vận hành hệ thống chính trị

- Hệ thống chính trị nước ta vận hành theo cơ chế đảng lãnh đạo nhà nước quản lý nhân dân làm chủ

- Đảng vừa là một bộ phận của hệ thống chính trị vừa là một hạt nhân lãnh đạo của hệ thống chính trị. Đảng lãnh đạo bằng cách chủ trương đường lối chính sách

- Nhà nước pháp quyền XHCN của dân do dân vì dân do đảng cộng sản lãnh đạo có chức năng thể chế hóa tổ chức thực hiện các đường lối nghị quyết của Đảng

- Mặt trận tổ quốc: là liên minh chính trị của cả nhân dân có vai trò phản biện và giám sát XH.

Nhận thức về nhà nước pháp quyền trong hệ thống chính trị

- Nhà nước quản lý xã hội bằng hiến pháp và pháp luật. Pháp luật là công cụ cao nhất để điều chỉnh mọi quan hệ xã hội nhân dân hưởng mọi quyền dân chủ có quyền được sống lao động theo sở thích trong phạm vi pháp luật cho phép

3. Mục tiêu, quan điểm chủ trương xây dựng hệ thống chính trị thời kì mới

- Mục tiêu chủ yếu: thực hiện dân chủ XHCN phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân

- Quan điểm kết hợp đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị trong đó đổi mới kinh tế là trọng tâm từng bước đổi mới chính trị

+ Đổi mới phương thức hoạt động của hệ thống chính trị để tăng cường vai trò lãnh đạo của đảng quản lý của nhà nước và làm chủ của người dân

+ Đổi mới hệ thống chính trị toàn diện và đồng bộ có kế thừa bước đi và hình thức phù hợp

+ Đổi mới mối quan hệ giữa các bộ phận cấu thành của hệ thống chính trị với nhau với Xh nhờ đó thúc đẩy XH phát triển phát huy quyền làm chủ của người dân

* Điểm khác so với thời kì trước đổi mới:

- Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan Nhà nước được phân định rõ hơn, phân biệt quản lý nhà nước với quản lý sản xuất kinh doanh. Nhà nước được từng bước kiện toàn, từ cơ cấu tổ chức đến cơ chế hoạt động trên các lĩnh vực lập pháp, hành pháp và tư pháp.

- Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội đã có nhiều đổi mới về tổ chức, bộ máy; đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, đa dạng hoá các hình thức, phát huy dân chủ; chăm lo và bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân; tham gia xây dựng, chỉnh đốn Đảng; tham gia xây dựng và củng cố

chính quyền; hướng mạnh hoạt động về cơ sở, bước đầu thực hiện nhiệm vụ giám sát và phản biện xã hội.

Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị được sắp xếp theo hướng tinh gọn, hiệu quả.

- Hoạt động của hệ thống chính trị ngày càng hướng về cơ sở. Trình độ và năng lực làm chủ của nhân dân từng bước được nâng lên.

Câu 7: Phân tích mối quan hệ giữa các thiết chế trong hệ thống chính trị Việt Nam thời kỳ đổi mới và sự cần thiết phải đổi mới đồng bộ các yếu tố cấu thành hệ thống chính trị?

Dàn ý:

+ Mối quan hệ giữa các thiết chế trong hệ thống chính trị ở VN thời kì đổi mới

- MQH giữa đảng và nhà nước
- MQH giữa mặt trận tổ quốc và nhà nước
- MQH giữa đảng và mặt trận tổ quốc

+ Sự cần thiết phải đổi mới đồng bộ các yếu tố cấu thành hệ thống chính trị

Bài làm:

Hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay bao gồm: Đảng cộng sản Việt Nam, nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, mặt trận tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị- xã hội hợp pháp khác của nhân dân

* Mối quan hệ giữa các thiết chế trong hệ thống chính trị ở VN thời kì đổi mới :

****Mối quan hệ giữa đảng và nhà nước:***

- Thực ra đây là mối quan hệ giữa mục đích nắm quyền của Đảng và hoạt động quản lý xã hội của nhà nước. Đảng lãnh đạo xã hội chủ yếu thông qua nhà nước và các đoàn thể quần chúng. Đường lối chủ trương quan điểm của đảng được nhà nước tiếp nhận, thể chế hóa cụ thể bằng pháp luật và chủ trương, chính sách,

chương trình cụ thể. Nhà nước là công cụ quản lý đại diện cho nhân dân nhưng chịu sự chi phối của đảng cầm quyền thông qua chủ trương, quyết sách, định hướng, hành động,...

****Mối quan hệ giữa mặt trận tổ quốc và nhà nước:***

- Mặt trận tham gia xây dựng giám sát và bảo vệ nhà nước như: vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện quyền bầu cử, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, tham gia xây dựng pháp luật, ... tham gia tuyên truyền phổ biến pháp luật cho nhân dân, đầu

****Mối quan hệ giữa mặt trận tổ quốc và nhà nước:***

tranh chống tham nhũng, quan liêu

- Nhà nước dựa vào Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể phát huy quyền làm chủ và sức mạnh có các tổ chức nhân dân, tôn trọng và tạo mọi điều kiện để nhân dân trực tiếp hoặc thông qua đoàn thể của mình tham gia xây dựng, quản lý và bảo vệ nhà nước.

****Mối quan hệ giữa Mặt trận tổ quốc và Đảng:***

- Đảng tham gia ủy ban mặt trận với trách nhiệm thực hiện chương trình hành động của Mặt trận Tổ quốc và tích cực tham gia công tác mặt trận.

- Đảng lãnh đạo mặt trận thông qua đường lối, chủ trương, chính sách đúng đắn, đáp ứng yêu cầu và nguyện vọng, lợi ích chính đáng của các tầng lớp nhân dân, Đảng tiến hành công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục, tổ chức kiểm tra.

**** Sự cần thiết phải đổi mới đồng bộ các yếu tố cấu thành hệ thống chính trị***

Phải đổi mới đồng bộ giữa các tổ chức trong hệ thống Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội; đồng bộ giữa tổ chức bộ máy với hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, hoàn thiện hệ thống pháp luật với tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng.

Tiếp tục đổi mới tổ chức trong hệ thống Đảng theo nội dung Nghị quyết Trung ương 4 Khóa X, hoàn thiện, nâng cao chất lượng hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của các ban của Đảng để giúp Trung ương và các cấp ủy nâng cao chất lượng, hiệu quả lãnh đạo. Cùng với tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của các Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương, ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Dân vận Trung ương, Ban Đối ngoại Trung ương và Văn phòng Trung ương và đã tái lập Ban Nội chính Trung ương và Ban Kinh tế Trung ương. Với bộ máy ở Trung ương như vậy để các cấp ủy địa phương xây dựng bộ máy trong hệ thống tổ chức đảng thích hợp. Không nhất thiết ở Trung ương có ban nào thì ở địa phương phải có ban ấy. Phải đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của các ban, tuyển chọn được những cán bộ có trình độ, năng lực về trí tuệ, lý luận và chỉ đạo thực tiễn.

Nhiệm vụ xây dựng Đảng cần tiếp tục thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Trung ương 4 Khóa XI: Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay. Với quyết tâm và trách nhiệm chính trị cao, thực hiện kiên trì và đồng bộ cả 4 nhóm giải pháp để kiên quyết đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. Cần chú trọng “Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là cấp Trung ương, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế”(5). Xác định rõ thẩm quyền và trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong mối quan hệ với tập thể cấp ủy, cơ quan, đơn vị; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo.

Tại Hội nghị Trung ương 7 Khóa XI (5.2013), Ban Chấp hành Trung ương đã xem xét, cho ý kiến về các phương án và nhân sự quy hoạch Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các chức danh lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước nhiệm kỳ 2016-2021 và các nhiệm kỳ tiếp theo. Với sự chỉ đạo của Bộ Chính trị, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương Đảng từ tháng 3.2013 đã mở các lớp bồi dưỡng dự nguồn cán bộ cao cấp.

Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng đòi hỏi công tác xây dựng Đảng, chỉnh đốn Đảng phải tiến hành toàn diện, đồng bộ. Không ngừng nâng cao trình độ lý luận, trí tuệ của Đảng đồng thời với học tập, làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, phải làm cho Đảng và mỗi cán bộ, đảng viên thật sự vươn tới tầm cao trí tuệ và đạo đức. Đảng không ngừng bổ sung, phát triển Cương lĩnh, đường lối, công cụ chủ yếu để thực hiện sự lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị và toàn xã hội, rèn luyện, nâng cao bản lĩnh chính trị. Xây dựng hệ thống tổ chức đảng vững mạnh từ Trung ương đến cơ sở, chăm lo xây dựng tổ chức cơ sở đảng, tăng cường kỷ luật, kiểm tra và bảo vệ Đảng.

Tiếp tục đổi mới và hoàn thiện bộ máy chính quyền nhà nước các cấp theo hướng xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Làm rõ về lý luận, thực tiễn những đặc trưng cơ bản của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Tập trung xây dựng, hoàn thiện Hiến pháp và hệ thống pháp luật và Nhà nước quản lý đất nước, quản lý kinh tế-xã hội chủ yếu bằng pháp luật. Đổi mới tổ chức bộ máy và chức năng, nhiệm vụ của Quốc hội. Thực hiện có hiệu quả các chức năng của Quốc hội về lập pháp, quyết định những vấn đề lớn của đất nước và giám sát. Kiện toàn tổ chức bộ máy của Chính phủ và chính quyền các cấp gắn với tăng cường cải cách hành chính: cải cách thể chế hành chính, cải cách bộ máy hành chính nhà nước, nâng cao trình độ, tinh thần trách nhiệm, đạo đức, ý thức phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức và cải cách tài chính công. Đẩy mạnh cải cách tư pháp cả về tổ chức bộ máy và chất lượng xét xử bảo đảm giữ nghiêm pháp luật, kỷ cương phép nước, đúng người, đúng tội, không để lọt tội phạm, không để oan người vô tội.

Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh đòi hỏi đổi mới và hoàn thiện tổ chức và chức năng, nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội. “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, các dân tộc, tôn giáo và người

Việt Nam định cư ở nước ngoài. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là một bộ phận của hệ thống chính trị, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân. Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là thành viên vừa là người lãnh đạo Mặt trận”(6). “Đảng tôn trọng tính tự chủ, ủng hộ mọi hoạt động tự nguyện, tích cực, sáng tạo và chân thành lắng nghe ý kiến đóng góp của Mặt trận và các đoàn thể. Đảng, Nhà nước có cơ chế, chính sách, tạo điều kiện để Mặt trận và các đoàn thể nhân dân hoạt động có hiệu quả, thực hiện vai trò giám sát và phản biện xã hội”(7).

Câu 8: Phân tích những nội dung cơ bản trong đường lối văn hóa của Đảng thời kỳ đổi mới? So sánh vài nét cơ bản với thời kỳ trước Đổi mới?

Dàn ý:

- + những nội dung cơ bản trong đường lối văn hóa thời kì đổi mới
- + Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.
- + Nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
- + Nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.
- + Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng.
- + Văn hóa là một mặt trận; Xây dựng và phát triển văn hóa là một sự nghiệp cách mạng lâu dài đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì, thận trọng.
- + So sánh với thời kì trước đổi mới

Bài làm:

*** Thời kì đổi mới**

*** Một là, Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.**

- Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội

Văn hóa Việt Nam được hình thành và phát triển trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc. Đó là 1 hệ giá trị truyền thống và lối sống bền vững, nhờ đó dân tộc ta khẳng định bản sắc riêng của mình.

- Văn hóa là động lực thúc đẩy

Công cuộc đổi mới ở nước ta đạt được nhiều thành tựu càng khẳng định vai trò động lực của Văn hóa. Trong thời đại cách mạng khoa học – công nghệ, yếu tố quyết định nhất cho sự phát triển đó là văn hóa, trí tuệ, thông tin, tài nguyên con người- nguồn vốn trí tuệ của dân tộc.

- Văn hóa là mục tiêu

Mục tiêu xây dựng một xã hội Việt nam “dân giàu , nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” chính là mục tiêu văn hóa.

Khi xác định mục tiêu, giải pháp phát triển văn hóa phải căn cứ và hướng tới mục tiêu, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, làm cho sự phát triển văn hóa trở thành động lực thúc đẩy phát triển KT- XH.

Khi xác định mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội phải đồng thời xác định mục tiêu văn hóa, hướng tới xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

****Hai là, nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.***

- Tiên tiến là yêu nước, tiến bộ mà nội dung cốt lõi là lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội theo chủ nghĩa Mac – leenin, tư tưởng HCM, nhằm mục tiêu tất cả vì con người. Tiên tiến không chỉ về nội dung tư tưởng mà cả trong hình thức biểu hiện, trong các phương tiện chuyển tải nội dung.

- Bản sắc dân tộc bao gồm giá trị văn hóa truyền thống bền vững của cộng đồng các dân tộc VN được vun đắp qua lịch sử hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước. Bản sắc dân tộc thể hiện trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội: cách tư duy, cách sống, cách dựng nước, giữ nước,... nhưng được thể hiện sâu sắc nhất là trong hệ giá trị của dân tộc, nó là cốt lõi của 1 nền văn hóa.

Để xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, chúng ta chủ trương vừa bảo vệ bản sắc dân tộc, vừa mở rộng giao lưu, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

****Ba là, nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.***

Nét đặc trưng nổi bật của văn hóa VN là sự thống nhất mà đa dạng, là sự hòa quyện bình đẳng, sự phát triển độc lập của văn hóa các dân tộc anh em cùng sống trên lãnh thổ VN. Mỗi thành phần dân tộc có truyền thống và bản sắc riêng của mình, cả cộng đồng dân tộc VN có nền văn hóa chung nhất, không có sự đồng hóa, kỳ thị bản sắc văn hóa của các dân tộc.

****Bốn là, xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng.***

Mọi người dân VN đều tham gia sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hóa nước nhà. Công nhân, nông dân, trí thức là nền tảng khối đại đoàn kết toàn dân, cũng là nền tảng của sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước. Đội ngũ trí thức gắn bó với nhân dân giữ vai trò quan trọng trong sự nghiệp này.

****Năm là, văn hóa là một mặt trận; Xây dựng và phát triển văn hóa là một sự nghiệp cách mạng lâu dài đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì, thận trọng.***

Trong công cuộc bảo tồn, phát huy những di sản văn hóa tốt đẹp của dân tộc, sáng tạo nên những giá trị mới, thì Xây phải đi đôi với Chống, lấy Xây là chính. Bên cạnh việc giữ gìn và phát triển những di sản văn hóa quý báu của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới, sáng tạo, vun đắp giá trị mới, phải tiến hành kiên trì cuộc đấu tranh bài trừ các hủ tục, thói hư tật xấu, nâng cao tính chiến đấu, chống mọi mưu toan lợi dụng văn hóa để thực hiện Diễn biến hòa bình.

**** So sánh đường lối văn hóa thời kì đổi mới với thời kì trước có 1 vài điểm khác như:***

<i>Thời kì trước đổi mới</i>	<i>Thời kì đổi mới</i>
<p>+ Xác định mối quan hệ giữa văn hoá và cách mạng giải phóng dân tộc, cổ động văn hoá cứu quốc.</p> <p>+ Xây dựng nền văn hoá dân chủ mới Việt Nam có tính chất dân tộc, khoa học, đại chúng mà khẩu hiệu thiết thực lúc này là Dân tộc, Dân chủ.</p> <p>+ Tích cực bài trừ nạn mù chữ, mở đại học, trung học, cải cách việc học theo tinh thần mới, bài trừ cách dạy học nhồi sọ.</p> <p>+ Giáo dục lại nhân dân, cổ động thực hành đời sống mới.</p> <p>+ Phát triển cái hay trong văn hoá dân tộc, đồng thời bài trừ cái xấu xa hủ bại, ngăn ngừa sức thâm nhập của văn hoá thực dân, phản động, học cái hay, cái tốt của văn hoá thế giới.</p> <p>+ Hình thành đội ngũ trí thức mới đóng góp tích cực cho công cuộc kháng chiến kiến quốc và cho cách mạng Việt Nam.</p> <p>và cách mạng khoa học kỹ thuật.</p>	<p>+ Cương lĩnh 1991 chủ trương xây dựng nền văn hoá mới, tạo ra đời sống tinh thần cao đẹp, phong phú, đa dạng, có nội dung nhân đạo, dân chủ, tiến bộ, khẳng định và biểu dương những giá trị chân chính, bồi dưỡng cái chân, cái thiện, cái mỹ theo quan điểm tiến bộ, phê phán những cái lỗi thời thấp kém.</p> <p>+ Cương lĩnh khẳng định tiếp tục tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hoá, làm cho thể giới quan Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội. Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hoá tốt đẹp của tất cả các dân tộc trong nước, tiếp thu những tinh hoa văn hoá nhân loại. Chống tư tưởng, văn hoá phản tiến bộ, trái với truyền thống tốt đẹp của dân tộc, trái với phương hướng đi lên chủ nghĩa xã hội.</p> <p>+ Cương lĩnh xác định giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu.</p>

<p>- Trong văn kiện Đại hội III của Đảng (9/1960) nêu rõ đường lối xây dựng nền văn hoá có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính dân tộc. Trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng xác định văn hoá - tư tưởng là một cuộc cách mạng, tiến hành đồng thời gắn bó chặt chẽ với cách mạng quan hệ sản xuất</p>	
--	--

Câu 9: So sánh những nội dung cơ bản của chính sách xã hội trước đổi mới và trong thời kỳ đổi mới? Tại sao trong thời kỳ đổi mới, Đảng CSVN lại nâng tầm các vấn đề

xã hội lên thành chính sách xã hội?

Dàn ý

+ So sánh những nội dung cơ bản của chính sách xã hội trước đổi mới và trong thời kỳ đổi mới

+ Chủ trương của đảng

+ Hạn chế còn tồn tại

+ Thời kỳ đổi mới, Đảng CSVN lại nâng tầm các vấn đề xã hội lên thành chính sách xã hội

	Trước đổi mới	Thời kì đổi mới
Chủ trương	<p>- 1945-1954 Chính sách xã hội của Đảng được thực hiện theo tinh thần:</p> <p>Làm cho dân có ăn, làm cho dân có mặc, làm cho dân có chỗ ở, làm cho dân có học hành. Và với chủ trương: làm cho người nghèo thì đủ ăn, người đủ ăn thì khá giàu, người khá giàu thì giàu thêm</p> <p>- 1954 - 1975: Các vấn đề xã hội được giải quyết theo mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội theo đường lối cũ, trong hoàn cảnh đất nước có chiến tranh. Chế độ phân phối về thực chất là theo chủ nghĩa bình quân. Nhà nước và tập thể đáp ứng nhu cầu thiết yếu của xã hội, bằng chế độ bao cấp và dựa vào viện trợ của nước ngoài.</p> <p>- 1975 - 1985: Các vấn đề xã hội được giải quyết theo cơ chế kế hoạch hoá tập trung quan liêu, bao</p>	<p>- Thực hiện nhiều hình thức phân phối.</p> <p>- Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với tích cực xoá đói, giảm nghèo.</p> <p>- Các vấn đề chính sách xã hội phải được giải quyết theo tinh thần xã hội hoá. Nhà nước giữ vai trò nòng cốt, đồng thời động viên mỗi người dân, các doanh nghiệp, các cá nhân và tổ chức nước ngoài cùng tham gia giải quyết những vấn đề xã hội.</p> <p>- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (tháng 4-2001) chủ trương các chính sách xã hội phải hướng vào phát triển và làm lành mạnh hoá xã hội, thực hiện công bằng trong phân phối, tạo động lực mạnh mẽ phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động xã hội, thực hiện bình đẳng trong các quan hệ xã hội, khuyến</p>

	<p>cấp, trong hoàn cảnh đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội nghiêm trọng, nguồn viện trợ giảm dần, đất nước bị bao vây, cô lập và cấm vận.</p>	<p>khích nhân dân làm giàu hợp pháp.</p> <p>Đại hội X của Đảng (tháng 4-2006) chủ trương phải kết hợp các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu xã hội trong phạm vi cả nước, ở từng lĩnh vực, địa phương. Chính sách xã hội vì hạnh phúc con người.</p> <p>- Phát huy nhân tố con người trên cơ sở bảo đảm công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân; kết hợp tốt tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước và từng chính sách phát triển.</p>
Hạn chế	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thành tâm lý thụ động - Y lại vào Nhà nước và tập thể trong cách giải quyết, các vấn đề xã hội - Chế độ phân phối trên thực tế là bình quân - cào bằng, không khuyến khích được những đơn vị và cá nhân làm tốt, làm 	<ul style="list-style-type: none"> - Áp lực gia tăng dân số vẫn còn lớn. Chất lượng dân số còn thấp đang là cản trở lớn đối với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế. Vấn đề việc làm rất bức xúc và nan giải. - Sự phân hoá giàu - nghèo và bất công xã hội tiếp tục gia tăng đáng lo ngại.

	giỏi: đã hình thành nên một xã hội đóng, ổn định nhưng kém năng động chậm phát triển về mọi mặt.	<ul style="list-style-type: none"> - Tệ nạn xã hội gia tăng và diễn biến phức tạp, gây thiệt hại lớn về kinh tế và an sinh xã hội. - Môi trường sinh thái tiếp tục bị ô nhiễm; tài nguyên bị khai thác bừa bãi và tàn phá. - Hệ thống giáo dục, y tế lạc hậu, xuống cấp, có nhiều bất cập, an sinh xã hội chưa được bảo đảm.
--	--	---

***Thời kỳ đổi mới, Đảng CSVN lại nâng tầm các vấn đề xã hội lên thành chính sách xã hội**

Vì chính sách xã hội thể hiện sự quan tâm tư duy đổi mới coi trọng các vấn đề xã hội của Đảng hơn:

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (tháng 12-1986), lần đầu tiên Đảng ta nâng các vấn đề xã hội lên tầm chính sách xã hội. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa chính sách xã hội với chính sách kinh tế và chính sách ở các lĩnh vực khác. Đại hội VI cho rằng, trình độ phát triển kinh tế là điều kiện vật chất để thực hiện chính sách xã hội, nhưng những mục tiêu xã hội lại là mục đích của các hoạt động kinh tế.

- Chính sách xã hội được thực hiện trên cơ sở phát triển kinh tế, gắn bó hữu cơ giữa quyền lợi và nghĩa vụ, giữa cống hiến và hưởng thụ. Đồng thời quan điểm coi trọng chỉ tiêu GDP bình quân đầu người gắn với chỉ tiêu phát triển con người (HDI) và chỉ tiêu phát triển các lĩnh vực xã hội.

Câu 10: So sánh đường lối đối ngoại trước Đổi mới và thời kỳ Đổi mới, từ đó chỉ ra những bước phát triển của đường lối đối ngoại thời kỳ Đổi mới?

Dàn ý

1 So sánh đường lối đối ngoại thời kì trước đổi mới và thời kì đổi mới

- Hoàn cảnh quốc tế và VN
- Nhiệm vụ cơ bản của đường lối mỗi thời kì
- Chủ trương chính sách cơ bản của Đảng
- những thành tựu nổi bật của quá trình thực hiện đường lối đối ngoại
- hạn chế còn tồn tại ở mỗi thời kì

=> rút ra các bước phát triển của đường lối đối ngoại thời kì đổi mới

	Trước đổi mới	Sau đổi mới
Hoàn cảnh	<ul style="list-style-type: none">- 1975, cách mạng tháng 8 thành công- các nước Đông Dương, hệ thống xã hội chủ nghĩa đã mở rộng phạm vi- Phong trào cách mạng thế giới phát triển mạnh.- Tháng 2-1976, các nước ASEAN ký hiệp ước thân thiện và hợp tác ở Đông Nam Á, mở ra cục diện hoà bình, hợp tác trong khu vực.- Miền Nam được hoàn toàn giải phóng, Tổ quốc	<ul style="list-style-type: none">- đầu những năm 1990, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô sụp đổ, dẫn đến những biến đổi to lớn về quan hệ quốc tế- mở ra thời kỳ hình thành một trật tự thế giới mới- Xu thế chạy đua phát triển kinh tế khiến các nước, nhất là những nước đang phát triển- Xu thế toàn cầu hoá xuất hiện đã tác động mạnh mẽ đến sự thay đổi trong tư duy đối ngoại của đảng ta

	<p>hoà bình, thống nhất</p> <p>- Tuy nhiên, đất nước phải tập trung khắc phục hậu quả nặng nề của ba mươi năm chiến tranh, lại phải đối phó với chiến tranh biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc</p> <p>- Tư tưởng nóng vội, muốn tiến lên CNXH trong một thời gian ngắn</p>	
Nhiệm vụ	<p>- tranh thủ điều kiện quốc tế để hàn gắn vết thương chiến tranh xây dựng cơ sở vật chất.</p> <p>- Tăng cường hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa</p>	<p>Tháng 5-1988, Bộ chính trị ra nghị quyết số 13 về nhiệm vụ và chính sách đối ngoại trong tình hình mới, khẳng định mục tiêu chiến lược và lợi ích cao nhất của Đảng và nhân dân ta là phải củng cố và giữ vững hoà bình để tập trung sức xây dựng và phát triển kinh tế</p>
Chủ trương	<p><i>Đại hội IV (12-1976)</i></p> <p>- 1978, chủ trương tăng cường hợp tác mọi mặt với</p>	<p>Đại hội VI của Đảng (12/1986)</p> <p>- yêu cầu mở rộng quan hệ hợp</p>

<p>Liên Xô</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ra sức bảo vệ mối quan hệ đặc biệt Việt – Lào trong bối cảnh vấn đề Campuchia đang diễn biến phức tạp - Góp phần xây dựng DNA hòa bình, ổn định, trung lập - mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại <p><i>Đại hội V (3-1982)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - tiếp tục kế thừa từ đại hội 4 và có những chủ trương mới như + chủ trương thiết lập và mở rộng quan hệ bình thường về mặt nhà nước, về kinh tế, văn hoá, khoa học, kỹ thuật với tất cả các nước không phân biệt chế độ chính trị. + mở rộng quan hệ hữu nghị với các nước không liên kết và các nước đang phát triển + đấu tranh với sự bao vây cấm vận của các thế lực 	<p>tác kinh tế với các nước ngoài hệ thống xã hội chủ nghĩa, với các nước công nghiệp phát triển, các tổ chức và tư nhân nước ngoài trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi.</p> <p>Đại hội VII của Đảng (6/1991) đề ra chủ trương “hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị – xã hội khác nhau, trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình”</p> <ul style="list-style-type: none"> - nhấn mạnh yêu cầu đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ quốc tế - Mở rộng cửa để tiếp thu vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý của nước ngoài hạn chế đến mức tối thiểu những mặt tiêu cực phát sinh trong quá trình mở cửa. <p>Đại hội lần thứ VIII của Đảng (6/1996)</p> <ul style="list-style-type: none"> -+ Chủ trương mở rộng quan hệ với đảng cầm quyền và các đảng khác
---	--

	<p>thù địch.</p> <p>+quán triệt yêu cầu mở rộng quan hệ đối ngoại nhân dân giữa các tổ chức phi chính phủ</p> <p>+Đảng chủ trương thử nghiệm tiến tới đầu tư ra nước ngoài</p> <p><i>ĐH 9 (2001)</i> + Đảng đưa ra chủ trương chhur động hội nhập quốc tế</p> <p>+ Quan điểm Vn sẵn sàng là bạn là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế</p> <p>+11/2001 bộ chính trị ra nghị quyết 07 về hội nhập kinh tế quốc tế nghị quyết đề ra những nhiệm vụ cụ thể và các biện pháp tổ chức thực hiện quá trình hội nhập kinh tế quốc tế</p> <p><i>ĐH 10 (2006)</i> + thực hiện nhất quán đường lối ngoại giao độc lập tự chủ hòa bình hợp tác và phát triển</p> <p>+ Chính sách đối ngoại rộng mở đa phương hóa đa dạng hóa các mối quan hệ quốc tế</p> <p>+chủ trương : chủ động tích cực hội nhập kinh tế quốc tế</p>
--	--

		<p><i>ĐH 11 (2011) và cương lĩnh 2011</i></p> <p>+ Đảng đề ra chủ trương triển khai đồng bộ toàn diện các hoạt động đối ngoại và tích cực chủ động hội nhập quốc tế</p> <p>+Nghị quyết ĐH 11 đã thể hiện bước phát triển mới về tư duy đối ngoại từ hội nhập kinh tế quốc tế lên hội nhập quốc tế hội nhập toàn diện đồng bộ từ kinh tế đến chính trị văn hóa giáo dục an ninh quốc phòng</p>
Kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Viện trợ hàng năm và kim ngạch buôn bán giữa Việt Nam với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác trong khối SEV đều tăng - Ngày 31-11-1978, Việt Nam ký Hiệp ước hữu nghị và hợp tác toàn diện với Liên Xô. - 1977, tiếp nhận ghế thành viên tại Liên hợp quốc - trở thành thành viên của 	<ul style="list-style-type: none"> - mở rộng quan hệ đối ngoại theo hướng đa phương hoá, đa dạng hoá với nhiều nước trên thế giới. - thu hút đầu tư nước ngoài, mở rộng thị trường, tiếp thu khoa học công nghệ và kỹ năng quản lý - tạo dựng môi trường quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

	<p>nhiều tổ chức thế giới và hợp tác với nhiều quốc gia kể cả tư bản</p>	
Hạn chế	<ul style="list-style-type: none"> - Nước ta bị bao vây, cô lập, trong đó đặc biệt là từ cuối thập kỷ 70 thế kỷ XX - Quan hệ đối ngoại giai đoạn này chúng ta chưa nắm bắt được xu thế chuyển từ đối đầu sang hoà hoãn và chạy đua kinh tế trên thế giới - Nguyên nhân cơ bản đã được Đại hội lần thứ VI của Đảng chỉ ra là “bệnh chủ quan, duy ý chí, lối suy nghĩ và hành động giản đơn, nóng vội chạy theo nguyện vọng chủ quan”. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống luật pháp chưa hoàn chỉnh, không đồng bộ, gây khó khăn trong việc thực hiện các cam kết của các tổ chức kinh tế quốc tế. - Quá trình thực hiện đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế còn những hạn chế

*** Những bước phát triển của đường lối đối ngoại thời kỳ Đổi mới:**

- Chủ trương “hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị – xã hội khác nhau, trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình”
- 11/2001 bộ chính trị ra nghị quyết 07 về hội nhập kinh tế quốc tế nghị quyết đề ra những nhiệm vụ cụ thể và các biện pháp tổ chức thực hiện quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.